

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 3 - 2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Độ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 12 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thúy H, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp TL, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đường, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp TP, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thúy H trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2016 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên uống rượu, không quan tâm lo lắng gia đình nên vợ chồng đã ly thân nhau từ tháng 9 năm 2018 cho đến nay. Nay

chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị H xác định có một con chung tên Nguyễn Trọng T sinh ngày 17/12/2016, hiện chị đang nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Văn Đ, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng anh Đ không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ.

[2] Về hôn nhân: Chị H với anh Đ tự nguyện chung sống với nhau năm 2006, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thúy H với anh Nguyễn Văn Đ được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị H xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh Đ thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm lo lắng gia đình dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 9/2018 cho đến nay. Tại phiên tòa chị H xác định không còn tình cảm đối với anh Đ và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh Đ được nữa nên vẫn yêu cầu được ly hôn với anh Đ; đối với anh Nguyễn Văn Đ, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H, nhưng anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H, điều này cho thấy anh Đường đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Mặt khác, xét thấy thời gian chị H và anh Đ ly thân đã lâu, tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H cho chị H được ly hôn với anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng T sinh ngày 17/12/2016, do chị H đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được nuôi con; đối với anh Đ không ý kiến gì về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị ly thân cháu T do chị H nuôi dưỡng và cháu T vẫn phát triển bình

thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu T cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và nợ: Chị H xác định trong thời gian chung sống chị và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ ai và cũng không ai nợ lại anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Đ không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thúy H, cho chị Lê Thúy H được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trọng T sinh ngày 17/12/2016 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thúy H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0010088 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã T, huyện Đ;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng